

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2023

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Trần Thanh Hiếu

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 220/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, về việc: “Ly hôn, nuôi con ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị H** , sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1973. (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ : ấp H, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2023, biên bản hòa giải được cung như tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N qua quen biết tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/9/2012. Sau khi kết hôn anh N và chị H thuê quán buôn bán tại xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N ăn chơi không lo lắng cho vợ con nên vợ chồng thường

xuyên cự cãi và mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, chị và anh N đã không còn sống chung vào tháng 12/2019, anh N đã đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh không về. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Anh D, sinh ngày 21/3/2014 và Trần Duy T, sinh ngày 21/3/2014, chị yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải triệu tập anh Trần Văn N đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải có người thân nhận, đến ngày làm việc, anh N không đến. Ngày 13/6/2023 anh Trần Văn N có đơn xin vắng mặt phiên tòa anh trình bày: Anh và chị H có quen biết có đăng ký kết hôn với chị H vào ngày 26/9/2012 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường cãi vã, bất đồng quan điểm, đến khoảng tháng 12/2019 đã ly thân cho đến nay. Nay anh N đồng ý ly hôn với chị H. Anh đồng ý để con cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng, vợ anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không tranh chấp nợ nần, tài sản. Vì anh đi làm xa không về dự phiên tòa được, nên anh xin Quý Tòa xem xét giải quyết cho anh được vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn N còn đăng ký hộ khẩu tại ấp H, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ngày 13/6/2023 anh Trần Văn N đều có đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Trần Văn N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Trần Văn N có kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/9/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn chị H cho rằng vợ chồng sống phát sinh nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, thường cự cãi nhau, dẫn đến anh N bỏ đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, anh N có bản khai vợ chồng chung sống bất đồng ý kiến, không hòa hợp, hiện nay không còn sống chung, anh đồng ý ly hôn với chị H. Xét hôn nhân giữa chị H và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không còn sống chung, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cho chị H

được ly hôn với anh N là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Anh D, sinh ngày 21/3/2014 và Trần Duy T, sinh ngày 21/3/2014 hiện nay các con đang sống với chị H, chị H yêu cầu nuôi 02 con, anh N có bản khai anh đồng ý giao 02 con cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Xét các cháu Trần Anh D và Trần Duy T, đang sống ổn định với chị H. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Anh D, sinh ngày 21/3/2014 và Trần Duy T, sinh ngày 21/3/2014 cho chị Phan Thị H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp được quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Anh Trần Văn N có quyền và N vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh N thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao Trần Anh D, sinh ngày 21/3/2014 và Trần Duy T, sinh ngày 21/3/2014 cho chị Phan Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn N có quyền và N vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh N thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh N Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0004963 ngày 21/4/2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Điệp

